

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13-02-2025
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bùi Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Vui; ông Vũ Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Vĩ Khang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Chí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 444/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị D, sinh năm 1972; cư trú tại: Tổ C, ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Ông Trần Minh T, sinh năm 1962; cư trú tại: Tổ C, ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Bà D có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 11 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị D trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông T tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1999, nhưng đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Về tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà thì lúc mới sống chung thì hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông T không tôn trọng bà và thường xuyên dùng những lời lẽ xúc phạm bà. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, sống chung nhà nhưng sinh hoạt riêng, không còn tình cảm vợ chồng, nên bà khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông T.

- Về con chung: Bà và ông T chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Trần Minh Đ, sinh ngày 21-11-1999 và Trần Minh Đ1, sinh ngày 15-8-2004. Hiện tại hai con chung đã thành niên, tự lao động được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Minh T đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều bảo đảm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do bà D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt lần hai nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà D, ông T.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho bà Võ Thị D được ly hôn với ông Trần Minh T.

+ Về con chung: Bà D và ông T có 02 con chung tên Trần Minh Đ, sinh ngày 21-11-1999 và Trần Minh Đ1, sinh ngày 15-8-2004, hiện con chung đã thành niên và tự lao động được nên không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Bà Võ Thị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Võ Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Trần Minh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 228, 238, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Xét nội dung yêu cầu trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án của bà D:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D năm 2017, là hôn nhân hợp pháp. Xét lời khai của bà D và chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Bà D và ông T tự nguyện chung sống vợ chồng, nhưng đời sống chung không hạnh phúc, phát

sinh mâu thuẫn nên vợ chồng sống chung nhà nhưng sinh hoạt riêng đã lâu. Xét thấy, hôn nhân giữa bà D và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, sống chung nhưng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà D là có cơ sở chấp nhận. Cho bà Võ Thị D được ly hôn với ông Trần Minh T.

[2.2] Về con chung: Bà D và ông T có 02 con chung tên là Trần Minh Đ, sinh ngày 21-11-1999 và Trần Minh Đ1, sinh ngày 15-8-2004. Hiện tại con chung đã thành niên, tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị D không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Võ Thị D phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị D. Cho bà Võ Thị D được ly hôn với ông Trần Minh T.

2. Về con chung: Bà Võ Thị D và ông Trần Minh T có 02 con chung tên Trần Minh Đ, sinh ngày 21-11-1999 và Trần Minh Đ1, sinh ngày 15-8-2004. Hiện con chung đã thành niên, tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận bà Võ Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Võ Thị D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà D đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008311 ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Bà D đã nộp đủ tiền tạm ứng án phí.

5. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Báo cho bà Võ Thị D và ông Trần Minh T biết, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Dương Minh Châu;
- Chi cục THA DS huyện DMC;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Lộc Ninh;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (T).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Bùi Toàn